**Mẫu số 02 Phụ lục II. PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | ........., ngày...... tháng..... năm...... |

**PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**

1. **CĂN CỨ XÂY DỰNG**

.......

.......

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

(Khái quát về tên Chủ dự án, lĩnh vực hoạt động,. )

1. **THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH RỪNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**
	1. Tên dự án:

............................

* 1. Thông tin về diện tích rừng dự kiến chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác (thống kê theo lô rừng)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Đơn vị hành chính (xã, huyện) | Lô | Khoảnh | Tiểu khu | Diện tích rừng CMĐSD |
| Rừng tự nhiên | Rừng trồng |
| 1 |  |  | ... |  |  |  |
| 2 |  |  | ... |  |  |  |
| ... |  |  | ... |  |  |  |
| **Tổng** |  |  | ... | ... | ... | ... |

1. **NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ**
	1. Diện tích đất trồng rừng thay thế:
		* Vị trí trồng: thuộc lô..... khoảnh..., tiểu khu.... xã..... huyện.... tỉnh...
		* Thuộc đối tượng đất quy hoạch cho rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.......
	2. Kế hoạch trồng rừng thay thế: Xác định loài cây, mật độ, phương thức trồng, chăm sóc theo Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.
		* Loài cây trồng....................
		* Mật độ................................
		* Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):..........................................................
		* Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:.............................................................................
		* Thời gian và tiến độ trồng (chi tiết cho từng năm).............................................
		* Xây dựng đường băng cản lửa (km)...................................................................
		* Mức đầu tư/ha theo đơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (triệu đồng):............
		* Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế..................................................................
2. **KIẾN NGHỊ**

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**-- | **CHỦ DỰ ÁN**(Ký tên, họ và tên, đóng dấu) |